

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **173/2019/HNGĐ- ST**

Ngày 08/7/2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
2. Ông Phạm Văn Vượng

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2019/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28/5/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 18/6/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Khắc T, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn ..., xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái

Nơi đăng ký tạm trú: số ..., khu C, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

** Bị đơn:* chị Trần Thị L, sinh năm 1983.

Trú tại: thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(anh T có mặt, chị L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Khắc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Trần Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2005 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng đi làm ăn thuê ở nhiều nơi khác nhau, đến năm 2011 thì vợ chồng quay

về Yên Bái sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Do không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nên từ giữa năm 2018 đến nay anh chị sống ly thân. Chị L về quê bố mẹ đẻ tại xã Đ, huyện S sinh sống, còn anh làm ăn sinh sống tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Nay anh xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: anh và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Phi H - sinh ngày 25/02/2007 và cháu Nguyễn Nhật N- sinh ngày 06/6/2016. Hiện tại cháu H đang ở cùng chị L, cháu N ở cùng anh. Khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi cháu N, cháu H muốn ở với ai anh tôn trọng ý kiến của cháu.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị L trốn tránh, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Khắc T, xử cho anh Nguyễn Khắc T được ly hôn với chị Trần Thị L. Giao cháu Nguyễn Phi H - sinh ngày 25/02/2007 cho chị Trần Thị L nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Nhật N- sinh ngày 06/6/2016 cho anh Nguyễn Khắc T nuôi dưỡng. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: anh T và chị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ

pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định chị Trần Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn X, xã Đ, huyện S. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Khắc T, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị L xác định: chị L và anh T kết hôn vào năm 2005. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống ở nhiều nơi. Từ năm 2016 đến nay chị L đưa cháu Nguyễn Phi H về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn X, xã Đ. Anh T sống ở đâu địa phương không xác định được nhưng thỉnh thoảng có về thăm con xong lại đi luôn, không chung sống cùng gia đình với chị L. Lời khai của người làm chứng là chị Phạm Thị Thanh H (em vợ chị Trần Thị L), hiện đang sinh sống cùng chị L trình bày: việc mâu thuẫn cụ thể giữa chị L và anh T như thế nào chị không xác định được, nhưng chị chứng kiến anh T và chị L sống ly thân từ năm 2016 đến nay, thỉnh thoảng anh T về thăm con nhưng anh chị không còn quan tâm gì đến nhau. Bản thân anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, sống ly thân đã lâu, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, chị L không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy chị L cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: đối với cháu Nguyễn Phi H – sinh ngày 25/02/2007 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân đến nay. Hiện nay cháu H đang học tại Trường trung học cơ sở xã Đông Thọ, cháu có ý kiến muốn được sống cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Kết quả xác minh cho thấy chị L hiện vẫn sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại địa phương, nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập trung bình 4.500.000đ/ 1 tháng. Vì vậy cần giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Nhật N – sinh ngày 06/6/2016 thời điểm sống ly thân chị L đang mang thai cháu N. Sau khi sinh chị L trực tiếp nuôi dưỡng, từ đầu năm 2018 đến nay anh T đón cháu N về trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu N đã trên 36 tháng tuổi, anh T có chỗ ở và thu nhập ổn định 9.000.000đ/ tháng và có nguyện vọng nuôi cháu N. Vì vậy cần giao cháu N cho anh T trực tiếp

nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện kinh tế cũng như hoàn cảnh thực tế của cả hai bên.

Do chị L không có ý kiến gì, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: anh T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Trường hợp sau này chị L có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Anh T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị L không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Khắc T về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với chị Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Khắc T được ly hôn chị Trần Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Phi H - sinh ngày 25/02/2007 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Nhật N - sinh ngày 06/6/2016 cho anh Nguyễn Khắc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh T và chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh Nguyễn Khắc T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0000873 ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Thị L không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/7/2019), vắng mặt

được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Y, huyện V, Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Vượng - Ma Thị Thu Loan

Nguyễn Văn Toàn